



Authorized Distributor
ABB Inverter Driver

BẢNG GIÁ BIẾN TẦN ABB 2024

BIẾN TẦN ACS150 – DÒNG BIẾN TẦN CÔNG SUẤT NHỎ

- * Công suất 220V/0.37 - 2.2KW, 380V/0.37 - 2.2KW
- * Dùng điều khiển tốc độ động cơ không đồng bộ 3 pha
- * IP20, NEMA 1 (Tùy chọn); Tần số ra 0-500Hz; Hệ số công suất 0.98
- * Tương thích công cụ lập trình Flashdrop
- * Tích hợp bộ lọc EMC, Bộ điều khiển phanh hãm, Màn hình điều khiển, Biến trở điều khiển tốc độ, Bo mạch phủ (Coated boards)
- * 5 đầu vào số (DI) bao gồm 1 đầu vào xung (Pulse train 0 -10kHz), 1 đầu vào tương tự (AI), 1 đầu ra Relay (1NO + 1NC)
- * **Ứng dụng : Máy đóng gói, băng tải, cửa tự động, bơm, quạt . . .**

Hình ảnh	Mã hàng	Thông số kỹ thuật				Đơn giá List (VND)
		Điện áp (V)	Công suất (KW)	Frame Size	IP	
	1 phase 230V					ACS150 Series
	ACS150-01E-04A7-2	230V	0,75	R1	IP20	6.220.000
	ACS150-01E-06A7-2	230V	1,1	R1	IP20	7.990.000
	ACS150-01E-07A5-2	230V	1,5	R2	IP20	8.400.000
	ACS150-01E-09A8-2	230V	2,2	R2	IP20	9.520.000
	3 phase 380V- 400V					ACS150 Series
	ACS150-03E-02A4-4	380V	0,75	R1	IP20	6.810.000
	ACS150-03E-03A3-4	380V	1,1	R1	IP20	7.200.000
	ACS150-03E-04A1-4	380V	1,5	R1	IP20	8.440.000
	ACS150-03E-05A6-4	380V	2,2	R1	IP20	9.120.000
	ACS150-03E-07A3-4	380V	3	R1	IP20	10.290.000
	ACS150-03E-08A8-4	380V	4	R1	IP20	11.760.000

BIẾN TẦN ACS355- DÒNG BIẾN TẦN CHẾ TẠO MÁY

- * Công suất từ 0.75KW - 22KW
- * Dùng điều khiển tốc độ động cơ không đồng bộ 3 pha
- * IP20, NEMA 1 (Tùy chọn); Tần số ra 0-500Hz; Hệ số công suất 0.98
- * Tương thích công cụ lập trình Flashdrop, Lập trình khối logic tuần tự
- * Tích hợp bộ lọc EMC, Bộ điều khiển phanh hãm, Màn hình điều khiển, Biến trở điều khiển tốc độ, Bo mạch phủ (Coated boards)
- * 5 đầu vào số (DI) bao gồm 1 đầu vào xung (Pulse train 0 -16kHz), 2 đầu vào tương tự (AI), 1 đầu ra Relay (1NO+1NC), 1 đầu ra Transistor (10-16kHz), 1 đầu ra tương tự AO
- * **Ứng dụng : Chế tạo máy In, máy dệt, Máy đóng gói, băng tải, cửa tự động, bơm, quạt . . .**

Hình ảnh	Mã hàng	Thông số kỹ thuật				Đơn giá List (VND)
		Điện áp (V)	Công suất (KW)	Frame Size	IP	
	BIẾN TẦN CHẾ TẠO MÁY				ACS355 SERIES	
	ACS355-03E-02A4-4	400V	0,75	R1	IP20	6.990.000
	ACS355-03E-03A3-4	400V	1,1	R1	IP20	8.050.000
	ACS355-03E-04A1-4	400V	1,5	R1	IP20	8.870.000
	ACS355-03E-05A6-4	400V	2,2	R1	IP20	9.590.000
	ACS355-03E-07A3-4	400V	3	R1	IP20	10.880.000
	ACS355-03E-08A8-4	400V	4	R1	IP20	12.340.000
	ACS355-03E-12A5-4	400V	5,5	R3	IP20	15.100.000
	ACS355-03E-15A6-4	400V	7,5	R3	IP20	17.960.000
	ACS355-03E-23A1-4	400V	11	R3	IP20	22.310.000
	ACS355-03E-31A0-4	400V	15	R4	IP20	29.120.000
	ACS355-03E-38A0-4	400V	18,5	R4	IP20	34.000.000
	ACS355-03E-44A0-4	400V	22	R4	IP20	41.510.000
	ACS-CP-C					1.490.000

BIẾN TẦN ACS180 SERIES- DÒNG BIẾN TẦN CÔNG SUẤT NHỎ

- * Công suất từ 220V/0.37 - 3KW, 380V/0.37 - 22KW
- * Tần số điều chỉnh: 0 – 599 Hz. Dòng điện danh định: 2.6 A ~ 50 A
- * Tích hợp chức năng ngắt an toàn mô men xoắn (STO). Giao thức truyền thông tích hợp: MODBUS RTU
- * Các ngõ vào ra: 4DI + 2DO + 1AI + 2AO + 1RO. Nhiệt độ hoạt động tối đa: 40 °A
- * **Ứng dụng:** máy đóng gói, băng tải, cửa tự động, bơm, quạt..

Hình ảnh	Mã hàng	Thông số kỹ thuật				Đơn giá List (VND)
		Điện áp (V)	Công suất (KW)	Frame Size	IP	
	1 Phase 230V					ACS180 SERIES
	ACS180-04S-02A4-1	230V	0,37	R0	IP20	5.560.000
	ACS180-04S-03A7-1	230V	0,55	R0	IP20	5.900.000
	ACS180-04S-04A8-1	230V	0,75	R0	IP20	6.460.000
	ACS180-04S-06A9-1	230V	1,1	R1	IP20	8.120.000
	ACS180-04S-07A8-1	230V	1,5	R1	IP20	8.890.000
	ACS180-04S-09A8-1	230V	2,2	R1	IP20	10.150.000
	ACS180-04S-12A2-1	230V	3	R2	IP20	12.610.000
	3 Phase 400V					ACS180 SERIES
	ACS180-04S-01A8-4	400V	0,55	R0	IP20	6.410.000
	ACS180-04S-02A6-4	400V	0,75	R0	IP20	6.770.000
	ACS180-04S-03A3-4	400V	1,1	R0	IP20	7.300.000
	ACS180-04S-04A0-4	400V	1,5	R1	IP20	7.900.000
	ACS180-04S-05A6-4	400V	2,2	R1	IP20	9.030.000
	ACS180-04S-07A2-4	400V	3	R1	IP20	9.640.000
	ACS180-04S-09A4-4	400V	4	R1	IP20	10.790.000
	ACS180-04S-12A6-4	400V	5,5	R2	IP20	12.860.000
	ACS180-04S-17A0-4	400V	7,5	R2	IP20	15.270.000
	ACS180-04S-25A0-4	400V	11	R3	IP20	17.100.000
	ACS180-04S-033A-4	400V	15	R3	IP20	22.060.000
	ACS180-04S-038A-4	400V	18,5	R4	IP20	26.500.000
	ACS180-04S-045A-4	400V	22	R4	IP20	32.200.000
	ACS180-04S-050A-4	400V	22	R4	IP20	38.500.000

BIẾN TẦN ACS380 SERIES- DÒNG BIẾN TẦN CHẾ TẠO MÁY

* Công suất từ 0.55KW - 22KW

* Dễ dàng cài đặt với các 7 Macro được tạo sẵn. Tích hợp sẵn modbus RTU. Tích hợp sẵn bộ lọc EMC, Bộ điều khiển thăng. Điều khiển PID cho ứng dụng duy trì áp suất đường ống, mức nước trong bồn, ...

* Safe torque-off functionkW (SIL3) được tích hợp sẵn cho ngành OEM-chế tạo máy.

* Kích thước thống nhất về chiều cao, chiều sâu cho dòng tiêu chuẩn IP20.

* Thiết kế nhỏ gọn, tích hợp nhiều tính năng, dễ dàng cài đặt và sử dụng đa năng phù hợp với nhiều ngành công nghiệp như là: **Dệt-Sợi, In ấn-Bao bì, Thực phẩm-Nước giải khát, Cao su -Nhựa, Băng tải...**

Hình ảnh	Mã hàng	Thông số kỹ thuật				Đơn giá List (VND)
		Điện áp (V)	Công suất (KW)	Frame Size	IP	
	BIẾN TẦN CHẾ TẠO MÁY					ACS380 SERIES
	ACS380-040S-01A8-4	400V	0,55	R0	IP20	9.060.000
	ACS380-040S-02A6-4	400V	0,75	R1	IP20	9.550.000
	ACS380-040S-03A3-4	400V	1,1	R1	IP20	10.320.000
	ACS380-040S-04A0-4	400V	1,5	R1	IP20	10.490.000
	ACS380-040S-05A6-4	400V	2,2	R1	IP20	12.050.000
	ACS380-040S-07A2-4	400V	3	R1	IP20	12.870.000
	ACS380-040S-09A4-4	400V	4	R1	IP20	13.070.000
	ACS380-040S-12A6-4	400V	5,5	R2	IP20	14.680.000
	ACS380-040S-17A0-4	400V	7,5	R3	IP20	17.910.000
	ACS380-040S-25A0-4	400V	11	R3	IP20	21.130.000
	ACS380-040S-032A-4	400V	15	R4	IP20	27.250.000
	ACS380-040S-038A-4	400V	18,5	R4	IP20	35.130.000
	ACS380-040S-045A-4	400V	22	R4	IP20	40.760.000
	ACS380-040S-050A-4	400V	22	R4	IP20	49.570.000

BIẾN TẦN ACS480 SERIES - DÒNG BIẾN TẦN TIÊU CHUẨN

- * Công suất 0.75 - 22KW. Dùng điều khiển tốc độ động cơ không đồng bộ 3 pha
- * IP20; Tần số ra 0-500Hz; Tích hợp bộ lọc EMC, Bộ điều khiển phanh hãm lên tới 22kw, Màn hình điều khiển, Bo mạch phủ (Coated boards)
- * Modbus RTU (EIA-485) là tiêu chuẩn. Điều khiển Scalar and vector control
- * Chức năng hỗ trợ khởi động, hỗ trợ bảo trì.

Ứng dụng : Các tải momen không đổi hoặc các tải momen thay đổi nhỏ bằng tải, bơm, quạt . . .

Hình ảnh	Mã hàng	Thông số kỹ thuật				Đơn giá List (VND)
		Điện áp (V)	Công suất (KW)	Frame Size	IP	
	DÒNG BIẾN TẦN TIÊU CHUẨN				ACS480 SERIES	
	ACS480-04-02A7-4+J404	400V	0,75	R1	IP20	11.440.000
	ACS480-04-03A4-4+J404	400V	1,1	R1	IP20	11.790.000
	ACS480-04-04A1-4+J404	400V	1,5	R1	IP20	13.900.000
	ACS480-04-05A7-4+J404	400V	2,2	R1	IP20	14.660.000
	ACS480-04-07A3-4+J404	400V	3	R1	IP20	15.830.000
	ACS480-04-09A5-4+J404	400V	4	R2	IP20	18.120.000
	ACS480-04-12A7-4+J404	400V	5,5	R3	IP20	20.980.000
	ACS480-04-018A-4+J404	400V	7,5	R3	IP20	23.830.000
	ACS480-04-026A-4+J404	400V	11	R4	IP20	29.190.000
	ACS480-04-033A-4+J404	400V	15	R4	IP20	34.960.000
	ACS480-04-039A-4+J404	400V	18,5	R4	IP20	41.220.000
	ACS480-04-046A-4+J404	400V	22	R4	IP20	48.610.000
	ACS480-04-050A-4+J404	400V	22	R4	IP20	59.430.000

BIẾN TẦN ACS580 SERIES- DÒNG BIẾN TẦN TIÊU CHUẨN

* Công suất 0.75 - 250KW. Dùng điều khiển tốc độ động cơ không đồng bộ 3 pha. Tần số ra 0-500Hz* Tích hợp bộ lọc EMC, Bộ điều khiển phanh hãm lên tới 22kw, Màn hình điều khiển, Bo mạch phủ (Coated boards).

*6 đầu vào số (DI) , 2 đầu vào tương tự (AI), 3 đầu ra Relay (1NO + 1NC), 2 đầu ra tương tự (AO)

* Ứng dụng : **Tải bơm, quạt, băng chuyền, máy trộn, máy đùn, máy nén, thực phẩm, nhựa...**

Hình ảnh	Mã hàng	Thông số kỹ thuật				Đơn giá List (VNĐ)
		Điện áp (V)	Công suất (KW)	Frame Size	IP	
	DÒNG BIẾN TẦN TIÊU CHUẨN					
	ACS580-01-02A7-4+J400	400V	0,75	R1	IP21	14.430.000
	ACS580-01-03A4-4+J400	400V	1,1	R1	IP21	14.920.000
	ACS580-01-04A1-4+J400	400V	1,5	R1	IP21	17.490.000
	ACS580-01-05A7-4+J400	400V	2,2	R1	IP21	18.390.000
	ACS580-01-07A3-4+J400	400V	3	R1	IP21	19.990.000
	ACS580-01-09A5-4+J400	400V	4	R1	IP21	22.690.000
	ACS580-01-12A7-4+J400	400V	5,5	R1	IP21	26.500.000
	ACS580-01-018A-4+J400	400V	7,5	R2	IP21	29.980.000
	ACS580-01-026A-4+J400	400V	11	R2	IP21	36.000.000
	ACS580-01-033A-4+J400	400V	15	R3	IP21	44.900.000
	ACS580-01-039A-4+J400	400V	18,5	R3	IP21	52.060.000
	ACS580-01-046A-4+J400	400V	22	R3	IP21	61.570.000
	ACS580-01-062A-4+J404	400V	30	R4	IP21	61.770.000
	ACS580-01-073A-4+J404	400V	37	R4	IP21	71.230.000
	ACS580-01-088A-4+J404+P944	400V	45	R4	IP20	84.310.000
	ACS580-01-106A-4+J404+P944	400V	55	R5	IP20	101.270.000
	ACS580-01-145A-4+J404+P944	400V	75	R6	IP20	122.580.000
	ACS580-01-169A-4+J404+P944	400V	90	R7	IP20	148.000.000
	ACS580-01-206A-4+J404+P944	400V	110	R7	IP20	188.080.000
	ACS580-01-246A-4+J404+P944	400V	132	R8	IP20	213.150.000
	ACS580-01-293A-4+J404+P944	400V	160	R8	IP20	(*)
	ACS580-01-363A-4+J404+P944	400V	200	R9	IP20	(*)
	ACS580-01-430A-4+J404+P944	400V	250	R9	IP20	(*)
	ACS-AP-S					3.280.000
	ACS-BP-S					1.450.000

BIẾN TẦN ACS880 SERIES- DÒNG BIẾN TẦN CÔNG NGHIỆP

- * Công suất từ 0.75kw – 500kw
- * Built in choke; Built in BRAKE Chopper up to 61A
- * Assistant Operator Panel with Bluetooth
- * Embedded ModBus; DTC Control; Safe Torque OFF (STO)

Hình ảnh	Mã sản phẩm	Công Suất Motor		Đơn giá (Liên hệ)
		(KW)	(HP)	
	ACS880 SERIES - 3 PHASE 380 - 440VAC			
	ACS880-01-02A4-3	0,75KW	2,4	(*)
	ACS880-01-03A3-3	1,1KW	3,3	(*)
	ACS880-01-04A0-3	1,5KW	4	(*)
	ACS880-01-05A6-3	2,2KW	5,6	(*)
	ACS880-01-07A2-3	3KW	8	(*)
	ACS880-01-09A4-3	4KW	10	(*)
	ACS880-01-12A6-3	5,5KW	12,9	(*)
	ACS880-01-017A-3	7,5KW	17	(*)
	ACS880-01-025A-3	11KW	25	(*)
	ACS880-01-032A-3	15KW	32	(*)
	ACS880-01-038A-3	18,5KW	38	(*)
	ACS880-01-045A-3	22KW	45	(*)
	ACS880-01-061A-3	30KW	61	(*)
	ACS880-01-072A-3	37KW	72	(*)
	ACS880-01-087A-3	45KW	87	(*)
	ACS880-01-105A-3	55KW	105	(*)
	ACS880-01-145A-3	75KW	145	(*)
	ACS880-01-169A-3	90KW	169	(*)
	ACS880-01-206A-3	110KW	206	(*)
	ACS880-01-246A-3	132KW	246	(*)
	ACS880-01-293A-3	160KW	293	(*)
	ACS880-01-363A-3	200KW	363	(*)
	ACS880-01-430A-3	250KW	430	(*)